

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 3 NĂM 2014

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		346,447,966,667	304,520,239,747
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12,414,584,976	17,899,425,036
1. Tiền	111		5,357,530,614	13,606,145,413
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,057,054,362	4,293,279,623
			-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
			-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142,792,408,711	168,893,411,538
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	133,594,635,691	162,977,165,079
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1,072,167,945	2,007,629,033
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	8,992,698,340	4,775,710,691
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(867,093,265)	(867,093,265)
			-	-
IV. Hàng tồn kho	140		63,790,891,740	36,149,221,911
1. Hàng tồn kho	141	V.6	63,790,891,740	36,149,221,911
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
			-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		127,450,081,240	81,578,181,262
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		454,041,249	188,470,074
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,008,420,834	1,365,523,927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	120,987,619,157	80,024,187,261

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26,420,201,792	27,021,827,510
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18,495,947,263	18,012,647,094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18,495,947,263	18,012,647,094
<i>Nguyên giá</i>	222		32,903,097,520	30,701,051,934
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14,407,150,257)	(12,688,404,840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	4,435,099,630	5,342,185,186
<i>Nguyên giá</i>	241		12,094,473,923	12,094,473,923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(7,659,374,293)	(6,752,288,737)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,078,000,000	1,078,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1,675,000,000	1,675,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(597,000,000)	(597,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,411,154,899	2,588,995,230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,401,654,899	2,379,495,230
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		9,500,000	209,500,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		372,868,168,459	331,542,067,257

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		280,004,516,923	229,276,556,345
I. Nợ ngắn hạn	310		279,578,484,200	228,858,156,345
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	96,343,505,683	59,009,704,772
2. Phải trả người bán	312	V.12	28,872,296,730	10,113,816,358
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	2,523,581,842	3,004,629,789
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	28,696,329,557	28,758,799,729
5. Phải trả người lao động	315		739,272,171	401,725,010
6. Chi phí phải trả	316	V.15	68,904,932,696	59,512,645,081
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		52,897,019,718	67,432,750,604
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	601,545,803	624,085,002
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		426,032,723	418,400,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	-	418,400,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		426,032,723	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75,818,791,725	83,411,942,176
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	75,818,791,725	83,411,942,176
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45,860,000,000	45,860,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,077,383,636	24,077,383,636
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,881,171,954	1,881,171,954
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,232,642,980	922,324,126
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,767,593,155	10,671,062,460
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		17,044,859,811	18,853,568,736
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		372,868,168,459	331,542,067,257

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu quý
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		650,80	650,80
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 31 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị My

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước	Đơn vị tính: VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44,997,977,691	37,570,129,124	115,877,132,056	64,908,564,176	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	6,311,608,388	6,311,608,388	6,311,608,388	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,686,369,303	37,570,129,124	109,565,523,668	64,908,564,176	
4.	Giá vốn hàng bán	36,967,412,297	33,756,650,343	100,926,446,282	56,685,531,843	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,718,957,006	3,813,478,781	8,639,077,386	8,223,032,333	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	131,425,856	1,116,963,640	289,695,784	113,513,926	
7.	Chi phí tài chính	1,196,812,240	1,039,576,916	2,653,626,118	1,266,592,252	
	Trong đó: chi phí lãi vay	1,154,092,080	1,039,576,916	2,610,905,958	1,266,592,252	
8.	Chi phí bán hàng	779,697,456	169,594,946	1,013,232,038	455,459,167	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,966,107,066	1,537,856,815	7,023,516,257	4,115,159,165	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3,092,233,900)	2,183,413,744	(1,761,601,243)	2,499,335,675	
11.	Thu nhập khác	52,941,696	-	57,403,279	443,454,545	
12.	Chi phí khác	1,229,172,300	48,221,850	1,315,267,103	250,040,435	
13.	Lợi nhuận khác	(1,176,230,604)	(48,221,850)	(1,257,863,824)	193,414,110	
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4,268,464,504)	2,135,191,894	(3,019,465,067)	2,692,749,785	

3.C.1.5
H. P. A.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU

Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
51		340,831,988	256,130,224	558,662,920	567,787,469
52		-	-	-	-
60		(4,609,296,492)	1,879,061,670	(3,578,127,987)	2,124,962,316
61		(1,986,289,144)	23,030,664	(1,798,496,590)	203,737,019
62	VI.8	(2,623,007,348)	1,856,031,006	(1,779,631,397)	1,921,225,297
70		(572)	405	(388)	419

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ

18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu

Người lập biểu

UTZ

Nguyễn Thị Mỹ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thường

Lập ngày 31 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lương Qui Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3,019,465,067)	3,884,951,216
2. Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	2,625,830,973	2,142,632,497
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	16,222,227	1,110,670,000
- Chi phí lãi vay	06	2,610,905,958	1,266,592,252
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2,233,494,091	8,404,845,965
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20,786,281,443)	9,869,737,799
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27,641,669,829)	2,648,881,533
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7,201,026,204	4,956,528,764
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(287,730,844)	(4,297,263,175)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2,746,713,360)	(3,606,920,376)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3,144,879,438	723,787,409
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,318,321,615)	(8,082,939,837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(40,201,317,358)	10,616,658,082
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,202,045,586)	(242,545,455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2,727,272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	394,701	105,875,483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,198,923,613)	(136,669,972)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		129,434,756,578	51,343,522,591
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(92,519,355,667)	(52,884,085,406)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3,210,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36,915,400,911	(4,750,762,815)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5,484,840,060)	5,729,225,295
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17,899,425,036	1,526,027,438
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12,414,584,976	7,255,252,733

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thường

Lập ngày 31 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lương Quý Thăng

101
 CÔNG
 CỔ P
 ĐIỆN
 EN T
 S Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn thông quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn thông, Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông và Công ty TNHH Xây lắp Điện nhệ Viễn thông.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhệ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
 - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhệ viễn thông, tin học;
 - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
 - Thi công xây lắp các công trình: điện nhệ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhệ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
 - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
4. **Tổng số các công ty con** : 02
Các công ty con được hợp nhất là

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị viễn thông.	Phòng 402, tòa nhà 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	55,53%	55,53%
Công ty TNHH Xây lắp Điện nhệ Viễn thông	Liên kề 14, ô 25 – 26 Khu Đô Thị Mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận tương ứng với doanh thu theo tỷ lệ được quy định trên các hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đội.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 5

6. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

7. **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. **Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. **Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí công trình

Chi phí công trình được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý chi phí thi công các công trình đã phát sinh trong kỳ.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi công trình (hạng mục công trình) đã hoàn thành, có quyết toán A-B hoặc xác nhận khối lượng (không bao gồm vật tư bên A cấp).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.276.973.442	493.756.371
Tiền gửi ngân hàng	3.080.557.172	13.112.389
Các khoản tương đương tiền	7.057.054.362	4.293.279.623
Cộng	<u>12.414.584.976</u>	<u>17.899.425.036</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	9.722.842.110	14.096.355.780
Các Công ty, các Ban QLDA	121.230.933.144	146.580.610.787
Các khách hàng khác	2.640.860.437	2.300.198.512
Cộng	<u>133.594.815.691</u>	<u>162.977.165.079</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thiên An	296.469.813	296.469.813
Công ty Công trình Giao thông 1 Hà Nội	131.831.700	131.831.700
CTCP Sông Đà Thăng Long	217.253.762	217.253.762
Công ty TNHH Cúp Vàng	-	584.355.400
Anhui Technology Import and Export Co.,Ltd	-	430.569.216
Các đối tượng khác	426.612.670	347.149.142
Cộng	<u>1.072.167.945</u>	<u>2.007.629.003</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay vật tư	408.896.104	404.484.057
Phải thu về chi phí bảo hành, mua hồ sơ thầu, chi phí thi công xây lắp của cá nhân đã nghỉ việc	777.500.000	777.500.000
Phải thu về chi phí tiếp khách, chi phí mua hàng của các cá nhân đã nghỉ việc	634.859.573	370.292.209
Phải thu CTCP Đầu tư và Phát triển dự án tiểu vùng sông Mê Kông	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản BHXH, BHYT phải thu CBCNV	327.037.599	342.501.311
Phải thu CTCP Đầu tư Thiết kế viễn thông Cần Thơ về tiền cổ tức	112.781.003	112.781.003
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	73.241.875	63.844.141
Phải thu khác gói thầu TH4 Huỳnh Văn Chính	2.284.039.852	-
Phải thu khác XN3 CT Nguyễn Phong Sắc	977.741.675	-
Phải thu khác VPPN CT TH4 Hòa Bình	422.225.050	-
Phải thu khác	1.174.375.609	904.307.970
Cộng	<u>8.992.698.340</u>	<u>4.775.710.691</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.777.949.619	4.178.719.172
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.373.640.708	28.268.851.695
Thành phẩm	5.501.948.579	1.778.048.122
Hàng hóa	287.861.069	366.457.769
Hàng gửi đi bán	2.849.491.765	1.557.145.153
Cộng	<u>63.790.891.740</u>	<u>36.149.221.911</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	120.159.854.241	79.274.615.983
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	787.695.291	709.501.653
Tài sản thiếu chờ xử lý	40.069.625	40.069.625
Cộng	<u>120.987.619.157</u>	<u>80.024.187.261</u>

(*) Chủ yếu là tạm ứng cho các đội thi công

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

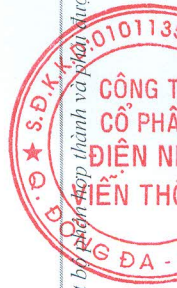
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.349.094.476	17.694.299.609	4.903.943.622	167.086.372	586.627.855	30.701.051.934
Tăng do mua sắm mới		2.136.045.586		66.000.000		2.202.045.586
Giảm do nhượng bán						
Số cuối kỳ	7.349.094.476	19.830.345.195	4.903.943.622	233.086.372	586.627.855	32.903.097.520
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.985.743.870	7.287.337.878	2.661.608.865	167.086.372	586.627.855	12.688.404.840
Khấu hao trong quý	246.541.250	1.197.108.456	270.406.821	4.688.890	-	1.718.745.417
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.232.285.120	8.484.446.334	2.932.015.686	171.775.262	586.627.855	14.407.150.257
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.363.350.606	10.406.961.731	2.242.334.757	-	-	18.012.647.094
Số cuối kỳ	5.116.809.356	11.345.898.861	1.971.927.936	61.311.110	-	18.495.947.263



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	12.094.473.923	6.752.288.737	5.342.185.186
Tăng do trích khấu hao		907.085.556	
Giảm trong kỳ			(907.085.556)
Số cuối kỳ	12.094.473.923	7.659.374.293	4.435.099.630

10. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
CTCP Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	10.684	1.078.000.000	10.684	1.078.000.000
CTCP Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông	5.970	597.000.000	5.970	597.000.000
		1.657.000.000		1.657.000.000

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		36.876.649.534
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thăng Long	37.592.024.159	30.279.194.439
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	873.760.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	7.167.956.806	5.723.695.095
Ngân hàng Hàng Hải	29.718	-
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân	51.583.495.000	21.673.055.238
Vay dài hạn đến hạn trả	-	460.000.000
Cộng	96.343.505.683	59.009.704.772

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
CTCP Xây dựng Công nghệ Toàn Phát	6.689.432.008	6.689.432.008
CTCP Thiết kế Xây dựng và Thương mại Hà Thành	-	133.752.051
Công ty TNHH Đại Phúc	1.064.684.164	1.064.684.164
Công ty TNHH MTV Trung Phong	557.130.126	276.517.547
CTCP Thương mại Xây lắp Thái Bình Dương Việt Nam	825.521.299	574.174.560
Công ty TNHH MTV Thông tin M3	4.550.656.000	-
CTCP Vật liệu Điện nhẹ và Viễn thông Sam Cường	12.251.698.200	-
Công ty TNHH SX & TM Quang Huy	161.260.000	-
Công ty TNHH SX & TM Tuấn Anh Yên	180.640.000	-
Công ty TNHH Cúp Vàng	274.472.995	-
Công ty TNHH Vina Compound	382.800.000	-
Công ty Cổ phần Hợp Tiến 62-04009	699.325.800	-
Các đối tượng khác	1.234.676.138	1.375.256.028
Cộng	28.872.296.730	10.113.816.358

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý giao thông đô thị	313.600.000	313.600.000
Viễn thông Lâm Đồng	757.099.000	757.099.000
Công ty Viễn thông VTN	-	388.292.277
Thầu Thiết kế và Xây dựng Dự án Tuyến đường Vành Đai ngoài Tân Sơn Nhất – Bình Lợi	-	643.436.100
Cục Quản trị Bộ Công An	-	328.000.000
BQL Dự án Tả Ngạn	238.000.000	238.000.000
Công ty Điện thoại Tây Thành Phố	141.402.279	-
Công ty Điện thoại Hà Nội 2	293.357.787	-
Viễn thông Sơn La	188.000.000	-
TĐDV Viễn thông KV III	450.638.552	-
Các đối tượng khác	141.484.224	336.202.412
Cộng	<u>2.523.581.842</u>	<u>3.004.629.789</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	20.741.873.549	6.688.329.263	7.244.339.828	20.185.862.984
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	88.826.057	1.178.289.643	1.267.115.700	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.994.277.333	558.662.920	-	7.552.940.253
Thuế thu nhập cá nhân	598.093.938	17.571.110	-	615.665.048
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	222.325.847	-	-	222.325.847
Các loại thuế khác	113.403.005	18.132.420	12.000.000	119.535.425
Cộng	<u>28.758.799.729</u>	<u>8.460.985.356</u>	<u>8.523.455.528</u>	<u>28.696.329.557</u>

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	125.017.750	805.733.643
Chi phí các công trình xây lắp trích trước	68.684.064.946	58.611.061.438
Trích trước chi phí khác	95.850.000	95.850.000
Cộng	<u>68.904.932.696</u>	<u>59.512.645.081</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	624.085.002
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	346.475.389
Chi quỹ trong năm	369.014.588
Số cuối kỳ	<u>601.545.803</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ dài hạn**

Công ty huy động nguồn vốn vay trung và dài hạn của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam nhằm mục đích mua xe ô tô Prado phục vụ sản xuất kinh doanh.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay vốn BIDV	-	418.400.000
Cộng	-	418.400.000

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong quý</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay vốn BIDV	418.400.000	-	418.400.000	-
Cộng	418.400.000	-	418.400.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	45.860.000.000	24.077.383.636	-	1.881.171.954	922.324.126	10.671.062.460	83.411.942.176
Lợi nhuận trong kỳ						(1.779.631.397)	(1.779.631.397)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn							
Phát hành cổ phiếu mới tăng vốn							
Trích lập các quỹ trong năm					310.318.654	(620.637.908)	(310.319.254)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại							
Chi quỹ trong năm							
Chia cổ tức năm trước						(5.503.200.000)	(5.503.200.000)
Số dư cuối quý	45.860.000.000	24.077.383.636	-	1.881.171.954	1.232.642.980	2.767.593.155	75.818.791.725



